TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 01 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Ông Nguyễn Minh Hải.

- T ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - T ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 711/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Phương K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2007 chị K và anh T tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/12/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 73/2007). Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh 08/4/2008 (hiện nay chị K đang nuôi dạy). Về tài sản chung và nợ chung tự thoả thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng Tòng xuyên cự cải vơi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng.

Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại văn bản ngày 16/11/2023, thể hiện: Cháu T có nguyện vọng được sống với chị K.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, yêu cầu nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T hai lần để tham gia hòa giải nhưng anh T đều không đến, đồng thời cũng không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, đồng thời chị K thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh T, nên xác định được chị K và anh T không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và đời sống hôn nhân giữa chị K và anh T đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được. Như vậy, có căn cứ xác định chị K và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 73/2007 ngày 04/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu T đã từ đủ 07 tuổi trở lên và nguyện vọng của cháu là được sống với chị K, đồng thời chị K đang trực tiếp nuôi dạy cháu và chị K không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần tiếp tục giao cháu cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị K; nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị K không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị K nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị K cho rằng tài sản chung và nợ chung tự thoả thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị K và anh T. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội. Chị K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Phương K.

- Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Phương K ly hôn với anh Trần Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 73/2007 ngày 04/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Thạch Thị Phương K trực tiếp nuôi dạy cháu Trần Thị Anh T, sinh 08/4/2008. Anh Trần Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị K; nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Trần Hoàng T không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị Phương K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Thạch Thị Phương K đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004930 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải